

Phát triển bền vững ở Thành phố Hồ Chí Minh: Thực trạng và gợi ý chính sách

Đình Phi Hồ, Lê Quốc Nghi, Trần Thị Sen

Tóm tắt—Thành phố Hồ Chí Minh khẳng định vai trò đầu tàu kinh tế, mô hình phát triển kinh tế của đất nước và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Trong điều kiện hội nhập mạnh mẽ với thế giới, thách thức lớn nhất của thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) trong những thập niên tới là hướng tới phát triển bền vững. Tìm hiểu quá trình phát triển TP.HCM theo hướng bền vững là những thách thức đối với các nhà nghiên cứu và những nhà chính sách ở Việt Nam. Dựa vào khung lý thuyết kinh tế học phát triển và thực tiễn phát triển thành phố Hồ Chí Minh, nhóm nghiên cứu đã sử dụng phương pháp mô tả thống kê với dữ liệu của giai đoạn 2011 - 2015 nhằm đánh giá quá trình phát triển. Kết quả cho thấy TP.HCM chưa thật sự phát triển bền vững, mà đang hướng tới phát triển bền vững.

Từ khóa—Thành phố Hồ Chí Minh, phát triển bền vững, kinh tế, kinh tế học phát triển.

1 GIỚI THIỆU

TRONG bối cảnh tác động khủng hoảng kinh tế thế giới, nhưng năm 2016 kinh tế - xã hội của thành phố đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Tổng sản phẩm xã hội thành phố tăng 8,05% và chiếm hơn 23% GDP của cả nước. Thu ngân sách đạt 303.816 tỷ đồng, chiếm hơn 30% tổng thu ngân sách quốc gia. Đã có 36 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 12,7%. Đón khách du lịch quốc tế vượt qua con số năm triệu lượt người. Thu hút đầu tư nước ngoài đạt khá, nhất là đầu tư vào khu công nghệ cao. Các lĩnh vực văn hoá - xã hội có nhiều tiến bộ, an ninh trật tự được giữ vững [13].

Không cần phải tranh luận, TP.HCM khẳng định vai trò đầu tàu kinh tế, mô hình phát triển kinh tế

của đất nước và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Trong điều kiện hội nhập mạnh mẽ với thế giới, thách thức lớn nhất của thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) trong những thập niên tới là hướng tới phát triển bền vững. Tuy nhiên, thời gian qua, rất ít nghiên cứu có chiều sâu nghiên cứu một cách có hệ thống để giải thích các câu hỏi đặt ra: Thế nào là phát triển bền vững trong điều kiện của Việt Nam? Trong thời gian qua, có phải TP.HCM đã phát triển bền vững? Những vấn đề đặt ra cũng là những thách thức đối với các nhà nghiên cứu và những nhà chính sách ở Việt Nam. Bài viết này, tập trung vào 3 nội dung chính: (1) Cung cấp nền tảng cơ sở lý thuyết về phát triển bền vững; (2) Đánh giá thực trạng phát triển theo hướng bền vững; và (3) Gợi ý chính sách nhằm hướng tới phát triển bền vững.

2 CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ THỰC NGHIỆM

Thuật ngữ “phát triển bền vững” xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1980 trong ấn phẩm World Conservation Strategy (Chiến lược bảo tồn thế giới) do Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) công bố với nội dung: Sự phát triển của nhân loại không thể chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái học [20].

Khái niệm này được phổ biến rộng rãi vào năm 1987 nhờ Báo cáo Brundtland (còn gọi là Báo cáo Our Common Future) của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới - WCED (nay là Ủy ban Brundtland). Báo cáo này ghi rõ: Phát triển bền vững là sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Nói cách khác, phát triển bền vững phải bảo đảm có sự phát triển kinh tế hiệu quả, xã hội công bằng và môi trường được bảo vệ, gìn giữ.

Năm 1992, tại Rio de Janeiro, các đại biểu tham gia Hội nghị về Môi trường và Phát triển của Liên Hiệp Quốc đã xác nhận lại khái niệm này, và đã gửi đi một thông điệp rõ ràng tới tất cả các cấp của

Ngày nhận bản thảo: 28-8-2017, ngày chấp nhận đăng: 11-10-2017, ngày đăng 15-7-2018

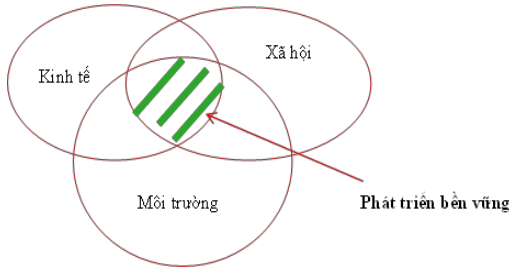
Tác giả Đình Phi Hồ công tác tại trường Đại học Kinh tế TP.HCM (e-mail: dinhphiho@gmail.com).

Tác giả Lê Quốc Nghi công tác tại trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM (e-mail: nghilq@uel.edu.vn).

Tác giả Trần Thị Sen công tác tại Học viện chính trị - Khu vực II (e-mail: transen201105@gmail.com).

chính phủ các nước về sự cấp bách trong việc đẩy mạnh sự hòa hợp kinh tế, phát triển xã hội cùng với bảo vệ môi trường [21].

Như vậy, phát triển bền vững là phát triển đảm bảo sự hòa hợp kinh tế, phát triển xã hội cùng với bảo vệ môi trường [8;17].



Hình 1. Phát triển bền vững

Trong Hình 1, phần gạch chéo là đảm bảo phát triển bền vững.

Tăng trưởng kinh tế cao, nhưng tiến bộ xã hội không cải thiện được thì không phải là phát triển bền vững. Tăng trưởng nhanh, tiến bộ xã hội được cải thiện, nhưng môi trường ngày càng suy thoái thì cũng không phải là phát triển bền vững. Phát triển bền vững phải đảm bảo tăng trưởng kinh tế, cải thiện tiến bộ xã hội và cải thiện được môi trường trong quá trình phát triển.

Theo Dernbach [7], để đánh giá trình độ phát triển theo hướng bền vững, cần đánh giá trên cả ba mặt: kinh tế, tiến bộ xã hội và môi trường.

(1) Kinh tế

Bao gồm ba nhóm thước đo: Tăng trưởng kinh tế, năng suất lao động và thay đổi cơ cấu kinh tế. Trình độ phát triển kinh tế cao hơn theo thời gian khi tốc độ tăng trưởng GDP, năng suất lao động duy trì ổn định theo từng giai đoạn phát triển và cơ

cấu ngành dịch chuyển theo hướng tỷ trọng đóng góp của nông nghiệp giảm dần, trong khi các ngành công nghiệp, dịch vụ tăng dần. [11; 24; 10; 3].

(2) Tiến bộ xã hội

Tiến bộ xã hội thể hiện mức đáp ứng các nhu cầu cơ bản của con người bao gồm: sức khỏe, giáo dục, mức sống và nghèo [22; 24].

Sức khỏe: (i) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng; (ii) Bác sĩ bình quân một vạn dân (Người); (iii) Số người chết vì các bệnh dịch (Người); (iv) Tỷ lệ trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sĩ.

Giáo dục: (i) Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ; (ii) Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo.

Mức sống: Thu nhập bình quân đầu người / năm

Nghèo: Tỷ lệ hộ nghèo

Trình độ phát triển kinh tế càng cao thì mức độ đáp ứng các nhu cầu cơ bản của con người càng cao và tỷ lệ nghèo càng giảm.

(3) Môi trường

Môi trường không khí và môi trường nước sinh hoạt liên quan đến sức khỏe của dân cư. Môi trường không khí được đo lường qua chỉ số chất lượng không khí.

Chỉ số chất lượng không khí (Air Quality Index, AQI) được phát triển bởi Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (U.S. Environmental Protection Agency - EPA) vào năm 1994 để cung cấp thông tin chính xác, kịp thời và dễ hiểu về mức độ hàng ngày của ô nhiễm không khí [1] (Bảng 1).

BẢNG 1
MỨC ĐỘ Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ THEO AQI

	0 - 50	51-200	201-300	>300
Chất lượng môi trường không khí	Tốt	Trung bình	Ô nhiễm nặng	Ô nhiễm rất nặng

Theo CIEM [2], vi.wikibooks.org [23], AQI tính trung bình chung của tình trạng ô nhiễm khí (CO; SO₂, NO₂) và bụi (TSP).

Cacbon monoxit (CO): là sản phẩm cháy không hoàn toàn của nhiên liệu. Xe cộ là nguyên nhân chủ yếu gây ra độ tập trung CO cao ở các khu vực đô thị. Khi xâm nhập vào cơ thể CO sẽ liên kết với hemoglobin trong máu, cản trở việc tiếp nhận O₂, gây ngạt thở, rất có hại đối với phụ nữ có thai và người mắc bệnh tim mạch.

Nitơ dioxit (NO₂): gây ngạt cho cơ thể, sau một thời gian tiềm tàng dẫn tới phù phổi cấp, tím tái biểu hiện co giật và hôn mê. Khi tiếp xúc với NO₂ ở các nồng độ thấp (nhiễm độc mãn tính) có các biểu hiện kích ứng mắt, rối loạn tiêu hóa, viêm phế quản, tổn thương răng.

Lưu huỳnh dioxit (SO₂): tác hại của SO₂ đối với chức năng phổi nói chung rất mạnh khi có mặt của các hạt bụi trong không khí hô hấp. Ngoài ra, SO₂ còn gây tác hại cho cơ quan tạo máu (tủy, lách), gây

nhễm độc da, gây rối loạn chuyển hóa protein - đường, gây thiếu các vitamin B và C.

Bụi TSP: là tổng các hạt bụi có đường kính khí động học nhỏ hơn, hoặc bằng 100 μm , thường tập trung cao ở các trục đường giao thông của các đô thị lớn và khu vực có nhà máy sản xuất công nghiệp. Bụi xâm nhập vào cơ thể chủ yếu qua đường hô hấp, có thể gây nên các bệnh đường hô hấp, bệnh hen suyễn, viêm cuống phổi, bệnh khí thũng, bệnh viêm cơ phổi, trước hết là các dạng bệnh bụi phổi.

Môi trường nước: Theo Cục quản lý tài nguyên nước (2010), tình trạng ô nhiễm môi trường nước sinh hoạt có thể đo lường qua COD (Chemical oxygen Demand - nhu cầu oxy hoá học) và BOD (Biochemical oxygen Demand - nhu cầu oxy sinh hoá) trong nước.

COD là lượng oxy cần thiết cho quá trình oxy hoá hoàn toàn các chất hữu cơ có trong nước, cho biết hàm lượng chất hữu cơ có trong nước là bao nhiêu.

BOD là lượng oxy (thể hiện bằng gam hoặc miligam O_2 theo đơn vị thể tích) cần cho vi sinh vật tiêu thụ để oxy hoá sinh học các chất hữu cơ, phản ánh lượng các chất hữu cơ dễ bị phân huỷ sinh học có trong mẫu nước.

Theo MONER (2015), tình trạng ô nhiễm nguồn nước được đo lường:

BOD: mức BOD (mg/Lít) ≤ 4 , tương đối sạch; Hơi ô nhiễm (5-9 mg/Lít); Rất ô nhiễm (>9 mg/Lít).

COD: mức COD (mg/Lít) ≤ 10 , tương đối sạch; Ô nhiễm (COD > 10).

Hàm lượng COD và BOD trong nước cao thì chứng tỏ nguồn nước có nhiều chất hữu cơ gây ô nhiễm.

3 THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA TP. HCM

Đánh giá quá trình phát triển TP.HCM trên ba mặt: Kinh tế - xã hội - môi trường.

(1) Kinh tế

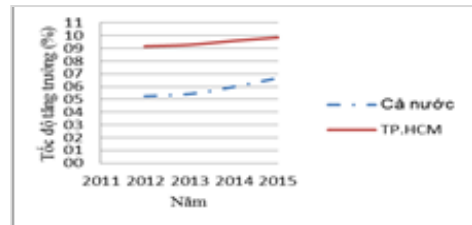
Trong những năm gần đây quy mô tổng sản phẩm trong nước (GDP) của TP. Hồ Chí Minh (TP.HCM) tăng ổn định, đóng góp rất cao trong GDP cả nước (Bảng 2).

BẢNG 2
 GDP CỦA TP.HCM VÀ CẢ NƯỚC (GIÁ SO SÁNH 2010)

Năm	Cả nước	TP.HCM	% sSo với cả nước
2011	2292483	510785	22,3
2012	2412778	557571	23,1
2013	2543596	609280	24,0
2014	2695796	667712	24,8
2015	2875856	733476	25,5

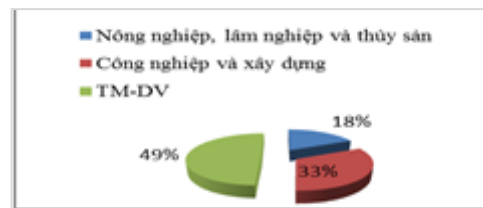
Nguồn: Cục Thống kê TP.HCM (2017) và Tổng Cục Thống kê (2017)

Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của giai đoạn (2011-2015) của TP.HCM là 9,5% cao hơn nhiều so với cả nước (5,8%).

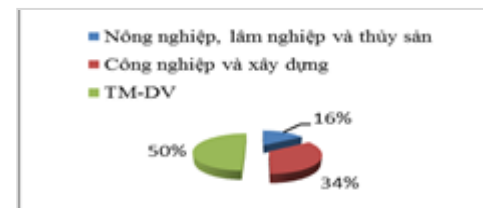


Hình 2. Xu hướng tăng trưởng GDP

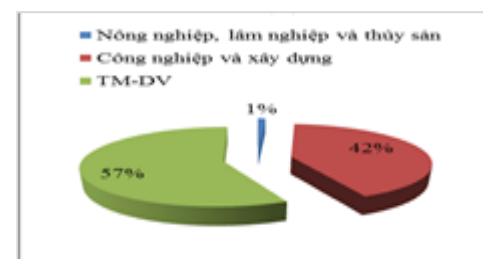
Hình 2 cho thấy xu hướng tăng trưởng GDP hàng năm cao và ổn định.



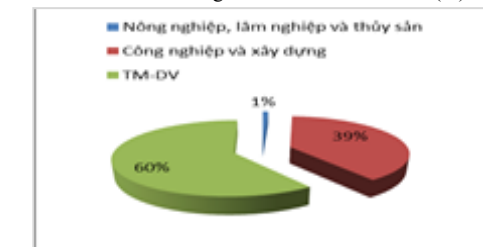
Hình 3a. Cơ cấu ngành cả nước năm 2011 (%)



Hình 3b. Cơ cấu ngành cả nước năm 2015 (%)



Hình 3.c. Cơ cấu ngành TP.HCM năm 2011 (%)

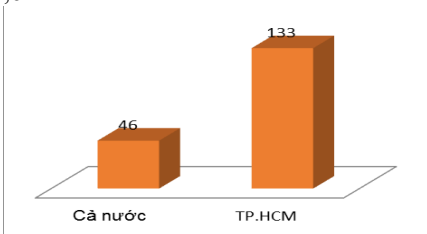


Hình 3. d. Cơ cấu ngành TP.HCM năm 2015 (%)

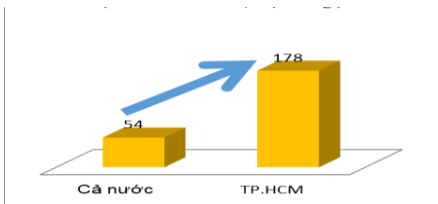
Xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của TP.HCM theo hướng trình độ phát triển cao hơn nhiều so với cả nước.

Hình 3.d cho thấy xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở TP.HCM đã đạt cơ cấu ngành của trình độ phát triển của nhóm nước thu nhập cao. Tỷ trọng của khu vực TM-DV (60%) cao gần gấp đôi khu vực Công nghiệp (39%), còn khu vực nông nghiệp chỉ còn 1%.

Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của năng suất lao động (GDP/Lao động, giá so sánh 2010) trong giai đoạn (2011-2015) là 7,4% cao hơn 1,6 lần của cả nước.



Hình 4a. Năng suất lao động năm 2011 (Giá so sánh 2010, triệu đồng)



Hình 4b. Năng suất lao động năm 2015

(Giá so sánh 2010, triệu đồng)

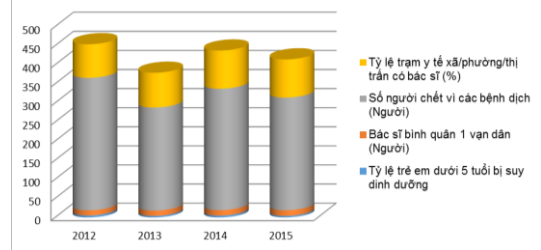
Trong Hình 4b, năng suất lao động TP.HCM là 177,6 triệu đồng, gấp 3 lần so với năng suất lao động cả nước.

Như vậy, qua các thước đo về quy mô GDP, tốc độ tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu, năng suất lao động, có thể khẳng định TP.HCM đã phát triển kinh tế bền vững.

(2) Tiến bộ xã hội

Đánh giá quá trình tiến bộ xã hội của TP.HCM trên bốn mặt: sức khỏe (Y tế), giáo dục, mức sống và nghèo.

Y tế



Hình 5. Tình trạng y tế TP.HCM

BẢNG 3
TÌNH TRẠNG CHĂM SÓC SỨC KHỎE Ở TP.HCM (2012-2015)

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	2015
Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (%)	5,3	4,1	4,9	4,1
Bác sĩ bình quân 1 vạn dân (Người)	13,5	14	14,4	15
Số người chết vì các bệnh dịch (Người)	347	270	318	295
Tỷ lệ trạm y tế xã/ phường/ thị trấn có bác sĩ (%)	88	91	100	100

Nguồn: Cục Thống kê TP.HCM (2017)

Tình trạng chăm sóc sức khỏe cho dân cư được cải thiện đáng kể (Bảng 3). Qua các năm, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm và giữ ổn

Giáo dục

định; Bác sĩ bình quân 1 vạn dân tăng; Số người chết vì các bệnh dịch giảm; đặc biệt, tỷ lệ trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sĩ đạt 100%.

BẢNG 4
TÌNH TRẠNG GIÁO DỤC Ở TP.HCM VÀ CẢ NƯỚC (%)

	2011	2012	2013	2014	2015
Cả nước					
Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ	94,2	94,7	94,8	94,7	94,9
Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo.	15,4	16,6	17,9	18,2	19,9
TP.HCM					
Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ	97,5	98,2	98,1	98,4	98,3

Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo	29,3	28,5	31,6	32,5	34,1
--	------	------	------	------	------

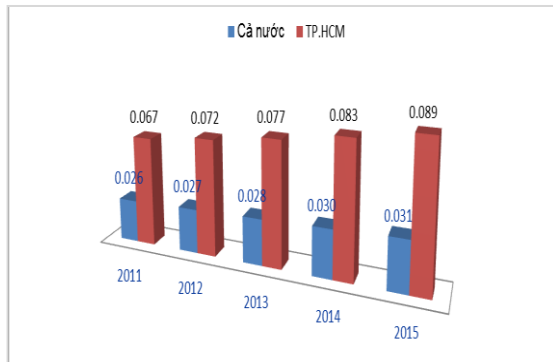
Nguồn: Cục Thống kê TP.HCM (2017) và Tổng Cục Thống kê (2017).

Ghi chú: Lao động đã qua đào tạo là những người đã học và tốt nghiệp ở một trường lớp đào tạo chuyên môn kỹ thuật của cấp học hoặc trình độ đào tạo tương đương thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ 3 tháng trở lên (có văn bằng hoặc chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo).

Qua Bảng 4, tình trạng giáo dục đã cải thiện tốt, tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ và tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo tăng và ổn định. Đặc biệt là tỷ lệ lao động đã qua đào tạo của TP.HCM cao hơn nhiều so với cả nước.

Thu nhập

Thu nhập bình quân đầu người có xu hướng tăng nhanh và ổn định. Trong năm 2015, thu nhập ở TP. HCM cao gấp 3 lần so với bình quân chung cả nước.



Hình 6. Thu nhập/người/năm (giá so sánh 2010, triệu đồng)

BẢNG 5
TỶ LỆ HỘ NGHÈO (%)

	2010	2012	2013	2014	2015
Cả nước	14,2	11,1	9,8	8,4	7,0
TP.HCM	0,3	0,1	0,0	0,0	0,0

Nguồn: Cục Thống kê TP.HCM (2017) và Tổng Cục Thống kê (2017)

Ghi chú: Chuẩn nghèo theo tiêu chí quốc gia

Theo chuẩn nghèo quốc gia, TP.HCM đã xóa nghèo kể từ năm 2013 và không có tái nghèo.

Như vậy, qua các thước đo về tình trạng y tế, giáo dục, thu nhập và nghèo, có thể khẳng định TP.HCM đã đạt được những thành tựu lớn về phát triển tiên bộ xã hội bền vững.

(3) Cải thiện môi trường

Tình trạng ô nhiễm không khí

Trong năm 2012, Trung tâm nghiên cứu Môi trường của trường Đại học Yale và Columbia của Mỹ đã công bố tại Diễn đàn Kinh tế Thế giới ở Davos, Thụy Sĩ, báo cáo đánh giá môi trường tại 132 quốc gia, trong đó đã xếp hạng Việt Nam nằm

trong top 10 nước có môi trường không khí bị ô nhiễm nhất trên thế giới (đứng thứ 123 trong tổng số 132 nước [19]). Hà Nội và TP.HCM là nơi mà tình trạng ô nhiễm không khí diễn ra nặng nhất với nồng độ các chất gây ô nhiễm vượt quá tiêu chuẩn cho phép nhiều lần. Theo CIEM (2012), chỉ số chất lượng không khí AQI = 155, mức ô nhiễm trung bình, không tốt cho nhóm dân cư nhạy cảm. Đặc biệt là AQI (Bụi TSP) = 352, nồng độ bụi là 80 mg/m³, tình trạng ô nhiễm rất nặng.

Trong năm 2016, TP.HCM có 14 ngày vượt quá quy chuẩn quốc gia và 175 ngày vượt quá tiêu chuẩn của WHO. Chỉ số AQI trung bình là 86, nồng độ bụi là 28,3 mg/m³ [14].

Tình trạng ô nhiễm nước sinh hoạt

Theo MONER [16], tình trạng ô nhiễm nguồn nước ở TP. HCM rất nghiêm trọng, mức BOD (mg/Lít) của sông Sài Gòn là 10 - 12.

Theo Lê Huy Bá [12], một số chỉ tiêu như hàm lượng amoni, COD (nhu cầu oxy hóa học), BOD (nhu cầu oxy sinh hóa) trong nước sông Sài Gòn luôn vượt so với quy chuẩn của Bộ Tài Nguyên và Môi trường cũng như quy chuẩn 08 về sử dụng nước mặt cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Vào những ngày đỉnh triều, hàm lượng amoni có thể vượt 10 lần so với quy chuẩn của Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép. Hàm lượng amoni tồn tại trong nước vượt quá tiêu chuẩn cho phép có thể chuyển hóa thành các chất gây ung thư và những bệnh nguy hiểm khác. Bên cạnh đó, khoảng 1/2 diện tích mặt sông Sài Gòn có nồng độ ô nhiễm hữu cơ BOD và COD vượt quy chuẩn từ 1,2 đến 1,5 lần. Đây là những chỉ số quan trọng cho thấy nước sông Sài Gòn đã bị ô nhiễm đến mức báo động.

Như vậy, qua các thước đo về tình trạng ô nhiễm môi trường không khí và nước sinh hoạt, có thể khẳng định TP.HCM đã nỗ lực hướng tới cải thiện môi trường, nhưng mức độ khắc phục tình trạng ô nhiễm còn thấp hơn yêu cầu về môi trường.

4 KẾT LUẬN

Xét trên khía cạnh môi trường, TP.HCM có nỗ lực hướng tới cải thiện môi trường, nhưng mức độ đáp ứng còn thấp so với yêu cầu phát triển. Như vậy, theo quan điểm phát triển bền vững, TP.HCM

chưa thật sự phát triển bền vững, mà đang hướng tới phát triển bền vững.

Đề đẩy nhanh quá trình phát triển bền vững, cần quan tâm tới những vấn đề sau:

+ Cần có những công trình nghiên cứu cấp quốc tế xác định các thước đo chuẩn về đánh giá phát triển bền vững. Hệ thống thước đo nên phù hợp với thể giới và có thể đo lường được trong điều kiện Việt Nam và TP.HCM.

+ Cần có những công trình nghiên cứu về tác động của ô nhiễm môi trường sống đến sức khỏe cư dân TP.HCM.

+ Cần có hệ thống dữ liệu cơ bản (Data Base) về các thước đo đánh giá phát triển bền vững theo thời gian, giúp cho các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước thực hiện các nghiên cứu về phát triển bền vững ở TP. HCM.

+ TP.HCM nên quan tâm đến sử dụng các nguồn lực có thể được tập trung vào cải thiện môi trường không khí và nước sinh hoạt, xem hoạt động này là cái cốt lõi - sống còn cho phát triển bền vững TP.HCM.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. aqicn.org team (2015), *Air pollution in Asia: Real-time air quality index, Visual Map*, Truy cập từ <<http://aqicn.org/contact/>> ngày 16 tháng 4 năm 2015.
- [2]. CIEM (2012), *Giữ gìn môi trường trong phát triển kinh tế - xã hội*, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, trung tâm thông tin - tư liệu, Số 4 - 2012.
- [3]. Clark, C. (1940), *The condition of economic progress*, London, Anh: Macmillan.
- [4]. Dernbach, J. C. (1998), Sustainable development as a framework for national governance, *Case Western Reserve Law Review*, 1-103.
- [5]. Cục quản lý tài nguyên nước (2010), *Chất lượng của nước*, <<http://dwrn.gov.vn/index.php/vi/news/Nhin-ra-The-gioi/Chat-luong-nuoc>> truy cập ngày 15 tháng 6 năm 2017.
- [6]. Cục Thống kê TP.HCM (2017), *Số liệu thống kê*, <<https://www.google.com.vn/search?q=cuc+thong+ke+tpHCM>> , truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2017.
- [7]. Dernbach, J. C. (1998), Sustainable development as a framework for national governance, *Case Western Reserve Law Review*, 1-103.
- [8]. Dernbach, J. C. (2003), Achieving sustainable development: The Centrality and multiple facets of integrated decisionmaking, *Indiana Journal of Global Legal Studies*, 247-285.
- [9]. Đinh Phi Hồ (Chủ biên) và Nguyễn Văn Phương (2016), *Phát triển kinh tế: căn bản và nâng cao*, NXB: Kinh tế TP.HCM.
- [10]. Fisher, A. G. B. (1939), Production, primary, secondary and tertiary, *Economic Record* 15 (1), 24-38.
- [11]. Hamilton K., and G. Ruta (2006), *Measuring social welfare and sustainability*, Working Paper No. 4, Second meeting of the Joint UNECE/OECD/Eurostat Working Group on Statistics for Sustainable Development, Oslo, 15-16 November 2006.
- [12]. Lê Huy Bá (2017), *Triệt 'cứu chữa', nước sông Sài Gòn, Đồng Nai 'hấp hối' từng ngày*, Bao môi. Com <<http://www.baomoi.com/tri-tre-cuu-chua-nuoc-song-sai-gon-dong-nai-hap-hoi-tung-ngay/c/22431845.epi>>, truy cập ngày 20 tháng 7 năm 2017.
- [13]. Phạm Phương Thảo (2017), *Xung đáng với vai trò đầu tàu kinh tế của đất nước*, Trang Web: <http://www.nhandan.com.vn/tpHCM/thong-tin-kinh-te/item/31730602-xung-dang-voi-vai-tro-dau-tau-kinh-te-cua-dat-nuoc.html>, Truy cập ngày 5 tháng 8 năm 2017.
- [14]. Liên minh Năng lượng bền vững Việt Nam (2016), *Báo cáo chất lượng không khí Việt Nam*, <<http://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/nam-2016-tp-hcm-co-175-ngay-o-nhiem-khong-khi-20170117125248051.htm>>, truy cập ngày 10 tháng 5 năm 2017.
- [15]. Ministry of Natural Resource and Environment (MONER, 2010), *State of water environmental issues*, Truy cập từ <<http://www.wepa-db.net/policies/state/vietnam/surface.htm>> Truy cập ngày 13 tháng 5 năm 2014.
- [16]. Ministry of Natural Resource and Environment (MONER, 2015), *Quy chuẩn quốc gia về chất lượng mặt nước*. Truy cập từ <<https://docs.google.com/gview?url=http://thanhtienmoitruong.com/upload/tailieukt>>, Truy cập ngày 13 tháng 5 năm 2017.
- [17]. Stoddart, H. (2011), *A Pocket guide to sustainable development governance*. Stakeholder Forum. <<https://sustainabledevelopment.un.org/content/documents/>>, Truy cập ngày 5 tháng 8 năm 2017.
- [18]. Tổng Cục Thống kê (2017), *Số liệu thống kê*, <<https://www.google.com.vn/search?q=tong+cuc+thong+ke+vi+et>>, truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2017.
- [19]. Trang Nguyễn (2012), *Không khí ở Việt Nam bản thứ 10 thế giới*, <http://vnexpress.net>, 06/02/2012, truy cập ngày 17 tháng 7 năm 2017.
- [20]. United Nations General Assembly (1987), *Report of the world commission on environment and development: Our common future*. Oslo, Norway: United Nations General Assembly, Development and International Co-operation: Environment.
- [21]. United Nations Conference on the Human Environment (1992), *Rio Declaration on Environment and Development*, Rio de Janeiro, Brazil: United Nations .
- [22]. United Nations (2008), *Measuring sustainable development. Report of the Joint UNECE/OECD/Eurostat Working Group on Statistics for Sustainable Development*. <<https://www.oecd.org/greengrowth/41414440.pdf>>, truy cập ngày 17 tháng 7 năm 2017.
- [23]. vi.wikibooks.or (Bách khoa toàn thư - Tiếng Việt, 2015), *Các nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường từ các phương tiện giao thông*, Trang WEB: Chuyên trang môi trường giao thông vận tải <<http://www.mt.gov.vn/moitruong/quy-chuan-chat-luong/38866/cac-nguyen-nhan-chinh-gay-o-nhiem-moi-truong-tu-cac-phuong-tien-giao-thong.aspx>>, truy cập ngày 10 tháng 8 năm 2017.
- [24]. World Bank (2006), *Where is the wealth of nations? measuring capital for the xxi century*, Working Paper No. 14, First meeting of the Joint UNECE/OECD/Eurostat Working Group on Statistics for Sustainable Development, Luxembourg, 3-4 April 2006.

Sustainable development in Ho Chi Minh City: Current status and policy implication

Dinh Phi Ho^{1,*}, Le Quoc Nghi², Tran Thi Sen³

¹University of Economics Ho Chi Minh City, ²University of Economics and Law, VNUHCM, Viet Nam,

³Ho Chi Minh National Academy of Politics and Public Administration

*Corresponding author: dinhphiho@gmail.com

Received: 28-8-2017, Accepted: 11-10-2017; Published: 15-7-2018

Abstract—HCMC has confirmed its role as an economic locomotive and effective development model for Vietnam and the Southern Key Economic Zone as well. In integrating actively into the world economy, HCMC's biggest challenge in the coming decade is to secure a sustainable development. Examining sustainability of its economic development is also a challenge to researchers and

policy-makers in Vietnam. Based on theories of development economics and data about HCMC economic development in 2011-2015, this research uses statistical description of data to estimate the development process in HCMC. We find that HCMC is yet not to secure a sustainable development but on the road to achieve this goal.

Keywords—HCMC, sustainable development, economic, economic development.